

THỨ TỰ	TÊN CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	Số lượng/ tỷ lệ	Ghi chú
I	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kể đến thời điểm báo cáo)	%	25,81	
	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	%	31	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	8	
	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	23	
2	Kiểm tra CCHC			
	Số phòng ban đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
3	Tuyên truyền CCHC			
	Tỷ lệ thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền theo kế hoạch	%	18,18	
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự gửi và duyệt đăng tại Chuyên trang CCHC tỉnh (https://cchc.soctrang.gov.vn/)	Tin, bài		
	Số lượng tin, bài viết, phóng sự đã đăng tại Chuyên mục CCHC trên Trang Thông tin điện tử của đơn vị	Tin, bài		
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua phương tiện truyền thông (báo, đài, website, zalo, ...)	Tin, bài	15	
	Có thực hiện tuyên truyền CCHC thường xuyên thông qua các cuộc họp, hội nghị, hội thi, hội diễn,...	Có = 1 Không = 0	1	
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao			
	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5	Có sáng kiến, giải pháp mới về CCHC	Không = 0; Có = 1		
6	Thực hiện khen thưởng về kết quả CCHC	Không = 0; Có = 1		
7	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	176	

	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
	Tỷ lệ hài lòng trong kỳ báo cáo	%	100	
6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, doanh nghiệp	Có = 1 Không = 0	1	
7	Việc chấp hành Chỉ thị 10 của Chủ tịch UBND tỉnh và Chỉ thị 10, Chỉ thị 26 của Thủ tướng Chính phủ về kỷ luật, kỷ cương hành chính	Tốt = 1 Có vi phạm = 0	0	
8	Kết quả thực hiện nhiệm vụ khác (nếu có)			
II	Cải cách thể chế			
1	Số VBQPPL đã ban hành	Văn bản		
	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ	Văn bản		
	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	Văn bản		
2	Kiểm tra và tự kiểm tra, xử lý VBQPPL			
	Số VBQPPL tự kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản		
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản		
	Số VBQPPL kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản		
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật	Văn bản		
	Số VBQPPL phát hiện trái pháp luật đã được xử lý	Văn bản		
3	Rà soát VBQPPL			
	Số VBQPPL phải rà soát			
	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
	Thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật	Không = 0; Có = 1	1	
	Số lượng văn bản đã tuyên truyền	Văn bản	7	
III	Cải cách thủ tục hành chính			
	Kiểm soát TTHC	Không = 0; Có = 1	1	
	Số lượng TTHC thực hiện rà soát	TTHC	4	
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có = 1 Không = 0	1	

	Đơn giản hóa TTHC	Không = 0; Có = 1	1	
	Rút ngắn thời gian giải quyết so với quy định	Thủ tục		
	Giảm thành phần hồ sơ	Thủ tục		
	Khác	Thủ tục		
2	Thông kê TTHC			
	Số TTHC được công bố mới	Thủ tục	23	
	Số TTHC đã được bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	28	
	Tổng số TTHC đang có hiệu lực:	Thủ tục	405	
	- Số TTHC áp dụng tại UBND cấp huyện:	Thủ tục	270	
	- Số TTHC áp dụng tại UBND cấp xã:	Thủ tục	135	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	Ý kiến		
	Số lượng ý kiến đã giải quyết	Ý kiến		
5	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	240	
	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	30	
	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
6	Kết quả giải quyết TTHC			
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận	Hồ sơ	5.627	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện giải quyết và trả kết quả		4.833	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	4.821	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận	Hồ sơ	14.822	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã giải quyết và trả kết quả	Hồ sơ	14.820	
	Số hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	14.815	
IV	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
	Số phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	12	
	Số đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	46	
	Số phòng ban trong đơn vị SNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị		

	Số lượng phòng ban chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị		
	Số lượng đơn vị SNCL đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị		
	Số lượng phòng ban trong đơn vị SNCL đã cắt giảm trong năm	Cơ quan, đơn vị		
2	Số liệu về biên chế công chức			
	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	87	
	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	84	
	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	10	
	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	1	
	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản trong năm so với kế hoạch	%		
3	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
	Tổng số người làm việc được giao	Người	1.837	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	1.617	
	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	3	
	Tỷ lệ % đã tinh giản so với kế hoạch năm	%		
4	Số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn			
	Tổng số người làm việc được phê duyệt	Người	13	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	12	
5	Số liệu về lãnh đạo			
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp huyện	Người	4	
	Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương	Người	28	
	Số lượng lãnh đạo các đơn vị trực thuộc UBND cấp huyện	Người	108	
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã	Người	30	
6	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước			
	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
7	Hoạt động thanh tra cấp huyện			
	Số đơn vị thuộc và trực thuộc UBND cấp huyện đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		

	Số UBND cấp xã đã thanh tra	Cơ quan, đơn vị		
	Số vấn đề phát hiện qua thanh tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
V	Cải cách chế độ công vụ			
1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
	Cơ quan, đơn vị đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
	Cơ quan, đơn vị đã thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ hiện hành và gửi về Sở Nội vụ	Có = 1 Không = 0	1	
2	Tuyển dụng công chức, viên chức		0	
	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
3	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo		0	
	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	0	
	Số lãnh đạo UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo cấp phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được bổ nhiệm mới	Người	0	
	Số lãnh đạo UBND cấp xã được bổ nhiệm mới	Người	1	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng			
	Số người được đào tạo, bồi dưỡng theo Kế hoạch	Người	0	
	Số người đã được đào tạo, bồi dưỡng thực tế	Người	52	
5	Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác			
	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Người		
	Kết quả thực hiện thực tế	Người	1	
6	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức (cả về Đảng và chính quyền).		3	

	Số lãnh đạo UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng và tương đương thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	1	
	Số công chức chuyên môn, không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
	Số người làm việc tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ hoàn toàn	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL tự chủ một phần	Người	0	
	- Trong đơn vị SNCL do ngân sách nhà nước đảm bảo	Người	0	
	Số cán bộ cấp xã bị kỷ luật	Người	0	
	Số công chức cấp xã bị kỷ luật	Người	1	
VI	Cải cách tài chính công			
1	UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ theo quy định	Có = 1 Không = 0	1	
2	Số tổ chức hành chính trực thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	Cơ quan, đơn vị	27	
3	Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL) thực hiện cơ chế tự chủ		46	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	46	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	1	
	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	45	
VII	Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số			
1	Ban hành kế hoạch phát triển chính quyền số, ứng dụng CNTT	Không = 0; Có = 1	1	
2	Bố trí công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Người	1	
3	Tham gia Hệ thống hợp trực tuyến của tỉnh			
	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp huyện	Có = 1 Không = 0	1	

	Liên thông từ UBND tỉnh đến UBND cấp xã.	Có = 1 Không = 0	1	
4	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành:			
	- UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	Có = 1 Không = 0	1	
	- Số lượng UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.	Đơn vị	10	
	Tổng số văn bản đi tại UBND cấp huyện	Văn bản	2.114	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử). và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	2.114	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	462	
	Tổng số văn bản đi tại UBND cấp xã	Văn bản	10.462	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	Văn bản	6.453	
	- Số lượng văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	Văn bản	4.009	
5	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
	UBND cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	Có = 1 Không = 0	1	
	Số lượng đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	Đơn vị	10	
6	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4			
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3		90	
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	90	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	8	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	8	
	Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	TTHC		
	- Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	148	
	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	148	

	- Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	TTHC	12	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia	TTHC		
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến đối với các TTHC đã cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	2.609	
	Số lượng hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	TTHC	413	
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)	TTHC	114	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh	TTHC	405	
	Sử dụng phần mềm theo dõi, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao	Có = 1; Không = 0	1	
	Số lượng công chức, viên chức có tài khoản thư điện tử chính thức	Người	328	
	Tổng số lượng lãnh đạo được cấp chứng thư số	Người	72	
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp huyện được cấp chứng thư số	Người	4	
	Số lượng lãnh đạo UBND cấp xã được cấp chứng thư số	Người	30	
	Số lượng lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc UBND cấp huyện được cấp chứng thư số	Người	28	
	Triển khai các ứng dụng số khác như: Quản lý nhân sự, Quản lý tài chính – Kế toán, Quản lý Thi đua – Khen thưởng, Quản lý tài sản	Số lượng phần mềm	3	
7	Dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)		267	
8	UBND cấp huyện		270	
9	- Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	276	
	- Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	- Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	- Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	

10	- Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
11	UBND cấp xã			
	- Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ (BCCI)	TTHC	39	
	- Tổng số TTHC thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	- Tổng số TTHC thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	TTHC	0	
	- Tổng số hồ sơ thực tế được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
	- Tổng số hồ sơ thực tế được trả kết quả qua dịch vụ BCCI	Hồ sơ	0	
12	Áp dụng ISO trong hoạt động			
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện công bố, công bố lại ISO	Có = 1 Không = 0	0	
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện đánh giá nội bộ	Có = 1 Không = 0	0	
	Số lượng đơn vị thuộc, trực thuộc thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có = 1 Không = 0	0	
	Số UBND cấp xã thực hiện công bố, công bố lại ISO	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số UBND cấp xã thực hiện đánh giá nội bộ	Cơ quan, đơn vị	0	
	Số UBND cấp xã xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống QLCL	Cơ quan, đơn vị	0	